

Số: /TTr- UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Sự cần thiết

Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự nỗ lực, trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương cũng như sự hưởng ứng tích cực thực hiện của cộng đồng, người dân, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả tốt, các chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai từ đó tác động trực tiếp đến đời sống người thuộc hộ nghèo, giúp họ tiếp cận được các chính sách trợ giúp của nhà nước. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn cao, trong đó hộ nghèo không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ cao và khó có khả năng thoát nghèo.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc ban hành chính sách trợ cấp đối với một số đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết nhằm nâng cao thu nhập, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống cho người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (*Tại điểm e Khoản 5 Điều 19 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh “Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; biện pháp xóa đói, giảm nghèo”*); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Tại tỉnh Hải Dương

Tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố, trên địa bàn tỉnh có 17.333 người thuộc hộ nghèo, trong đó có 8.519 người là thành viên thuộc 5.931 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chủ yếu thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động. Những người này thuộc các đối tượng sau (có trường hợp 01 người thuộc nhiều đối tượng):

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH) và Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 2.477 người.

b) Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sau đây viết tắt là Nghị định 134/2016/NĐ-CP): 807 người.

c) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương

tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH): 13 người.

d) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2016/TT-BYT): 869 người.

e) Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định): 1.344 người.

f) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn: 3.886 người, cụ thể thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật;

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định, là người cao tuổi theo quy định của pháp luật);

- Các thành viên trong hộ gia đình đều là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

* Trong số 8.519 người có 5.992 người đang hưởng trợ cấp hàng tháng, gồm: 5.960 người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, 17 người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, 15 người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công.

Các đối tượng nêu trên hoàn cảnh gia đình và bản thân khó khăn, các khoản trợ cấp được nhận hàng tháng (nếu có) còn thấp, đồng thời đa số là người không có khả năng lao động nên không có khả năng tự tạo thêm thu nhập, từ đó không có khả năng thoát nghèo. Mặt khác, các đối tượng này phần lớn thuộc các hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản: không có BHYT; không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc. Đối với chỉ số 02 dịch vụ cơ bản không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc rất khó tác động do người cao tuổi không có nhu cầu nhiều về sử dụng Internet, nhưng chỉ số dịch vụ cơ bản về BHYT thì rất cần thiết đối với người cao tuổi. Từ thực tiễn trên, cần có chính sách hỗ trợ về trợ cấp hàng tháng và BHYT cho các đối tượng này.

3.2. Tham khảo việc thực hiện tại các tỉnh, thành phố

Một số tỉnh đã ban hành nghị quyết quy định trợ cấp hàng tháng hoặc hỗ trợ một lần đối với đối tượng người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn như:

- Thành phố Hà Nội: ban hành nghị quyết trợ cấp hàng tháng đối với người là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và là trẻ em dưới 15 tuổi hoặc là người cao tuổi cô đơn hoặc là người khuyết tật đặc biệt nặng, người mắc bệnh hiểm nghèo mà trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội; hỗ trợ người bị mắc bệnh hiểm nghèo, mức trợ cấp 2.500.000 đồng/tháng đối với đối tượng ở khu vực thành thị và 2.000.000 đồng/tháng đối với đối tượng ở khu vực nông thôn. Đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có khả năng tự phục vụ bản thân thì được hỗ trợ 440.000 đồng/người/tháng; hỗ trợ 100% mức đóng BHYT cho thành viên hộ nghèo sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Thành phố Hải Phòng: ban hành nghị quyết trợ cấp hàng tháng đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là trẻ em dưới 16 tuổi (không phải là trẻ em mồ côi), người mắc bệnh thuộc Danh mục các loại bệnh được hỗ trợ và người thuộc hộ cận nghèo là người cao tuổi cô đơn, người nhiễm HIV/AIDS mà các đối tượng này không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội với mức kinh phí hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn; 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị. Đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, già yếu, ốm đau, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng thì được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng; hỗ trợ 100% mức đóng BHYT cho một số đối tượng là thành viên hộ nghèo sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Thành phố Đà Nẵng: ban hành nghị quyết trợ cấp hàng tháng đối với người già yếu, người khuyết tật, trẻ mồ côi bị ốm đau thường xuyên chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng; người bị mắc bệnh ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo thuộc hộ nghèo, người từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng. Mức trợ cấp hàng tháng từ 300.000-500.000 đồng/người/tháng tùy từng đối tượng; hỗ trợ 100% mức đóng BHYT cho thành viên hộ nghèo sau khi thoát nghèo.

- Tỉnh Quảng Ninh: ban hành nghị quyết trợ cấp hàng tháng đối với trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS; trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày; trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng; trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng; người cao tuổi không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo; người bị mắc bệnh nặng, ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh cần điều trị dài ngày, không có khả năng lao động tạo ra thu nhập thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Mức trợ cấp hàng tháng từ 500.000-750.000 đồng/người/tháng tùy từng đối tượng.

- Tỉnh Bình Phước: ban hành nghị quyết hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động, mức trợ cấp 1.700.000 đồng/tháng đối với đối tượng ở khu vực thành thị và 1.200.000 đồng/tháng đối với đối tượng ở khu vực nông thôn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

1.1. Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng và hỗ trợ BHYT đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương thể hiện sự quan tâm đối với đối tượng yếu thế, giúp người nghèo bớt khó khăn, vươn lên thoát nghèo, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng thẩm quyền, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

1.2. Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

2.1. Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định.

2.2. Đảm bảo quyền và lợi ích của các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện chế độ chính sách trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ BHYT.

2.3. Quy định các chế độ chính sách phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay. Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về việc trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ mức đóng BHYT đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo danh sách hộ nghèo đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Là thành viên thuộc hộ nghèo, thuộc các trường hợp sau:

- Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định);

- Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con những đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật.

+ Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định; là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Các thành viên trong hộ gia đình đều là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

2.2. Trường hợp là thành viên hộ nghèo được hưởng chính sách theo Nghị quyết này mà hộ thoát nghèo trong năm 2025.

3. Nguyên tắc

Việc thực hiện chính sách đối với một số đối tượng người thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương đảm bảo công khai, minh bạch. Chế độ trợ cấp và BHYT cho đối tượng thuộc hộ nghèo được thực hiện theo tháng.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN.

1. Mục tiêu của chính sách

Thực hiện trợ cấp hàng tháng và BHYT đối với một số đối tượng người thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương thể hiện sự quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội, thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững và giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo có điều kiện thoát nghèo.

2. Nội dung của chính sách

2.1. Trợ cấp hàng tháng

Đối tượng quy định tại Mục 2 Phần III Tờ trình này được hưởng mức trợ cấp hàng tháng là 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị, 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn. Trường hợp người thuộc nhiều đối tượng theo quy định tại Mục 2 Phần III Tờ trình này hoặc thuộc đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại

Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được trợ cấp hàng tháng thêm đảm bảo tổng mức trợ cấp hàng tháng bằng 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị, 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn.

2.2. Hỗ trợ bảo hiểm y tế

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng cho các đối tượng quy định tại Mục 2 Phần III Tờ trình này (trừ các đối tượng đang được hỗ trợ bảo hiểm y tế do chính sách khác) sau khi hộ được công nhận thoát nghèo trong năm 2025 với mức hỗ trợ theo quy định hiện nay (4,5% mức lương cơ sở).

3. Giải pháp thực hiện chính sách

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

1. Kinh phí trợ cấp hàng tháng

Trong số 8.519 người thuộc hộ nghèo thuộc đối tượng nêu tại Tờ trình này thì có 04 người đang hưởng trợ cấp trợ cấp bảo hiểm xã hội và 10 người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công mà trợ cấp đang hưởng cao hơn 1.500.000 đồng/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn hoặc cao hơn 2.000.000 đồng/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị nên không hỗ trợ đối với đối tượng này. Do vậy, trợ cấp hàng tháng cho 8.505 người còn lại (*trong đó ở khu vực thành thị là 1.778 người, khu vực nông thôn là 6.727 người*), gồm:

a) Có 2.527 người không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng.

Số tiền dự kiến trợ cấp hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 536 người = 1.072.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 1.991 người = 2.986.500.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí trợ cấp là: 4.058.500.000 đồng/tháng.

b) Có 5.960 người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP với tổng số tiền là 5.648.225.000 đồng. Số tiền dự kiến trợ cấp hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 1.234 người = 2.468.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 4.726 người = 7.089.000.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí trợ cấp là: 9.557.000.000 đồng/tháng

Kinh phí trợ cấp thêm hàng tháng là: 9.557.000.000 - 5.648.225.000 đồng = 3.908.775.000 đồng.

c) Có 13 người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với tổng kinh phí là 13.334.000 đồng/tháng.

Số tiền dự kiến trợ cấp hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 03 người = 6.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 10 người = 15.000.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí trợ cấp là: 21.000.000 đồng/tháng

Kinh phí trợ cấp thêm hàng tháng là: 21.000.000 - 13.334.000 đồng = 7.666.000 đồng.

d) Có 05 người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công (đều ở khu vực thành thị) với tổng kinh phí là 7.845.000 đồng/tháng

Số tiền dự kiến trợ cấp hàng tháng là:

2.000.000 đồng x 05 người = 10.000.000 đồng/tháng.

Kinh phí trợ cấp thêm hàng tháng là: 10.000.000 - 7.845.000 đồng = 2.155.000 đồng.

* Tổng số tiền trợ cấp hàng tháng dự kiến hỗ trợ là: 7.977.096.000 đồng/tháng. Dự kiến tổng số tiền trợ cấp hàng tháng trong cả năm cho 8.505 người là: 7.977.096.000 đồng x 12 tháng = 95.725.152.000 đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ bảo hiểm y tế

Trong số 8.519 người thuộc hộ nghèo hoàn cảnh khó khăn có 2.466 người khuyết tật mức độ nặng trở lên đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và 15 người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với

cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công đã được hỗ trợ BHYT nên dự kiến số người được hỗ trợ BHYT còn lại khoảng 6.038 người.

$4,5 \% \times 2.340.000 \text{ đồng} \times 6.038 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 7.629.616.800 \text{ đồng}.$

Tổng kinh phí thực hiện chính sách là: 103.354.768.800 đồng/năm.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thực trạng ;Báo cáo tác động)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**